

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HC-PT

Ngày: 05 - 11 - 2020

V/v: “*Khiếu kiện quyết định giải quyết
khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất
đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tào

Các thẩm phán Ông Đặng Kim Nhân

Ông Nguyễn Tấn Long

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Đỗ Xuân Ân- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 05 tháng 11 năm 20120 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 224/2020/TLPT-HC ngày 14 tháng 8 năm 2020 về việc: “*Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2020/HC-ST ngày 09/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 76/2020/QĐ-PT ngày 19 tháng 10 năm 2020; giữa:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Thanh T; địa chỉ: Tổ 8, thị trấn E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Y G - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk. Vắng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Trần Văn S - Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk. Vắng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Phạm Duy T1 - Công chức Sở TN và MT tỉnh Đắk Lắk. Vắng.

2.2. Chủ tịch UBND huyện E1, tỉnh Đắk Lắk.

2.3. UBND huyện E1, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện E1 và Chủ tịch UBND huyện E1: Ông Y T2 - Chức vụ: Phó Chủ tịch. Vắng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện E1 và Chủ tịch UBND huyện E1: Ông Hà Hoàng Q - Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường. Vắng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Th; Địa chỉ: Thôn 7, xã E1, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Lê Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Lê Thanh T trình bày:**

Năm 2009 gia đình tôi có mua 07ha đất rẫy của ông Lê Tuấn D và ông Nguyễn Văn Nh (đều có hộ khẩu thường trú tại: Thôn 7, xã E1, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk), có nguồn gốc khai hoang vào năm 1998 - 1999, trên đất có trồng cây Điều đã cho thu hoạch, sau khi mua gia đình tôi đã chặt bỏ hết số Điều trên để trồng 02ha Cao su và 2,5 ha Tiêu, diện tích còn lại trồng Mít và Điều.

Vào tháng 10/2018, UBND xã E1 thông báo kiểm đếm cây trồng của tôi và sau đó ngày 25/12/2018 UBND huyện E1 ban hành Quyết định số 3897/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 69.671,9m² đất của gia đình tôi, nhưng không bồi thường cho gia đình tôi.

Đất của gia đình tôi có nguồn gốc khai hoang trước ngày 01/7/2004, UBND xã E1 đã xác nhận đất có đủ điều kiện cấp quyền sử dụng đất theo khoản 1 Điều 101 Luật đất đai 2013, phù hợp với quy hoạch, đất của gia đình tôi có 05ha nằm

trong 9,1ha được UBND huyện E1 ký quyết định cho phép cấp GCNQSDĐ bố trí đất sản xuất nông nghiệp theo Quyết định số 2425 do Chủ tịch UBND huyện E1 là ông Lê Đức Quang ban hành vào ngày 02/6/2008. Đối chiếu với tờ bản đồ năm 2010 của UBND xã E1 thì gia đình tôi có diện tích đất hàng năm được phê duyệt đất sản xuất, phù hợp với quy định tại Điều 75 và Điều 77 Luật Đất đai là được bồi thường.

Nay đề nghị TAND tỉnh Đắk Lắk giải quyết:

* Hủy Quyết định số 3026/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Thanh T, cư trú tại Tổ dân phố 08, thị trấn E, huyện E1;

* Hủy Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện E1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Thanh T, tổ dân phố 08, thị trấn E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk;

* Hủy một phần Quyết định số 3780/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND huyện E1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình đầu mối Dự án Hồ chứa nước E2, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk (đợt 1);

*** Đại diện Ủy quyền của người bị kiện - Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk trình bày:**

Diện tích đất ông Lê Thanh T yêu cầu được bồi thường có vị trí thuộc khu vực thi công lòng hồ Công trình Hồ chứa nước E2 tại xã E1, nguồn gốc là đất lâm nghiệp do Lâm trường E1 quản lý (nay là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp E1). Đến năm 2007, UBND tỉnh thu hồi diện tích này giao về địa phương quản lý theo Quyết định số 3513/QĐ- UBND ngày 21/12/2007. Thừa ủy quyền của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường đã bàn giao ngoài thực địa diện tích thu hồi cho UBND huyện E1 quản lý cùng thời điểm năm 2007. Diện tích này chưa được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Lê Thanh T cũng không cung cấp được bất kỳ giấy tờ nào liên quan đến nguồn gốc sử dụng đất của mình. Hồ sơ địa chính lưu tại UBND xã E1 và UBND huyện E1 không thể hiện nội dung hay giấy tờ liên quan đến nguồn gốc sử dụng đất của hộ gia đình ông. Đối chiếu vị trí đất ông Lê Thanh T đang khiếu nại với Bản đồ quy hoạch sử dụng đất của huyện E1 đến năm 2020, thể hiện là đất thủy lợi. Hộ gia đình ông sử dụng diện tích đất

này sản xuất nông nghiệp là không phù hợp quy hoạch sử dụng đất của địa phương.

Như vậy, nguồn gốc diện tích đất ông Lê Thanh T yêu cầu bồi thường là lấn chiếm đất lâm nghiệp do Nhà nước quản lý, vi phạm pháp luật về đất đai, sử dụng không đúng mục đích và không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của huyện E1. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 75, Điều 82 Luật Đất đai năm 2013, diện tích đất ông Lê Thanh T khiếu nại không đủ điều kiện để bồi thường. Nội dung ông Lê Thanh T khiếu nại yêu cầu bồi thường về đất là không có cơ sở.

Nội dung khiếu nại của ông Lê Thanh T đã được Chủ tịch UBND huyện E1 giải quyết tại Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 và Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết tại Quyết định số 3026/QĐ-UBND ngày 17/10/2019. Nội dung giải quyết tại các quyết định trên là đúng với quy định của pháp luật. Việc ông Lê Thanh T yêu cầu huỷ Quyết định số 3026/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh và Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện E1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Thanh T là không có cơ sở.

*** Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện - Chủ tịch UBND huyện E1 và UBND huyện E1 trình bày:**

Ông Lê Thanh T khiếu nại Quyết định 3780/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND huyện về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình đầu mối Dự án hồ chứa nước E2, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk (đợt 1), vì ông cho rằng Nhà nước áp giá hỗ trợ khi thu hồi diện tích đất của ông là không thỏa đáng, diện tích đất của ông đủ điều kiện được bồi thường chứ không phải hỗ trợ.

Để làm rõ nội dung yêu cầu của ông Lê Thanh T, Chủ tịch UBND huyện giao Chánh Thanh tra huyện tham mưu giải quyết và trả lời đơn khiếu nại của ông Lê Thanh T theo quy định. Trên cơ sở khiếu nại của ông T và kết quả làm việc, xác minh vụ việc và báo cáo của Thanh tra huyện, UBND huyện ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, kết quả như sau:

Căn cứ pháp lý để ban hành Quyết định 3780/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

Thẩm quyền ban hành Quyết định 3780/QĐ-UBND, ngày 25/12/2018 là đúng thẩm quyền.

Căn cứ Quyết định 3780/QĐ-UBND ngày 25/12/2018, việc UBND huyện E1 áp dụng mức hỗ trợ 30% khi thu hồi đất của ông Lê Thanh T là hoàn toàn có cơ sở và đúng quy định tại Quyết định số 39/QĐ- ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Đối với diện tích đất ông Lê Thanh T khiếu nại, qua xác minh xác định nguồn gốc đất gia đình ông khiếu nại là đất lấn chiếm đất lâm nghiệp (về pháp lý: năm 2007 UBND tỉnh thu hồi diện tích đất này của Công ty Lâm nghiệp E1 để giao cho địa phương quản lý, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại Quyết định 3513/QĐ-UBND ngày 27/12/2007); Đối chiếu với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 thể hiện diện tích đất của ông Lê Thanh T có nguồn gốc là đất lâm nghiệp, gia đình ông lấn chiếm và sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp và đã sử dụng ổn định không có tranh chấp nhưng không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, do đó không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai 2013, đồng thời đối chiếu với Khoản 3, Điều 23, Quyết định 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh "... Trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp có nguồn sống chính từ sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp đang sử dụng mà không đủ điều kiện để được bồi thường theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai 2013 thì được xem xét hỗ trợ đối với từng trường hợp cụ thể. Mức hỗ trợ do tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xác định nhưng tối đa không quá 30% giá đất nông nghiệp được bồi thường..." thì ông T thuộc đối tượng được Nhà nước xem xét, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất. Vì vậy, ông Lê Thanh T được áp dụng mức hỗ trợ tối đa 30% khi thu hồi đất là đúng quy định của pháp luật.

Sau khi có quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện E1, ông Lê Thanh T không đồng ý với quyết định giải quyết, ông đã khiếu nại lên Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk và đã được Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk giải quyết khiếu nại lần 2 theo quy định của pháp luật, không công nhận khiếu nại lần 2 của ông Lê Thanh T tại Quyết định số 3026/QĐ- UBND ngày 17/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk.

UBND huyện E1 không đồng ý với nội dung khởi kiện của ông Lê Thanh T.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th trình bày:**

Tôi đồng ý với ý kiến của chồng tôi là ông Lê Thanh T, không có ý kiến gì thêm. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 13/2020/HC-ST ngày 09/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 206 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 2 Điều 66; điểm a khoản 3 Điều 69; Điều 75; Điều 82 Luật đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà Nước thu hồi đất; Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; khoản 1 Điều 18; khoản 2 Điều 21; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 39 Luật khiếu nại tố cáo 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP, ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

Áp dụng khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh T về yêu cầu:

Hủy một phần Quyết định số 3780/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND huyện E1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình đầu mối Dự án Hồ chứa nước E2, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk (đợt 1);

Hủy Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện E1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Thanh T, Tổ dân phố 08, thị trấn

E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk;

Hủy Quyết định số 3026/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Thanh T, cư trú tại Tổ dân phố 08, thị trấn E, huyện E1;

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, người khởi kiện ông Lê Thanh T kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Thanh T; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; Xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của ông Lê Thanh T; nhận thấy:

Diện tích 69.671,9m² đất mà ông Lê Thanh T yêu cầu bồi thường khi bị thu hồi, nguyên là đất lâm nghiệp do Lâm trường E1 quản lý (nay là Công ty Lâm nghiệp E1). Đến năm 2007, UBND tỉnh Đắk Lắk có Quyết định số 3513/QĐ-UBND ngày 21/12/2007, thu hồi 6.679 ha của Công ty Lâm nghiệp E1 (trong đó có diện tích đất mà ông T yêu cầu bồi thường) giao cho UBND huyện E1 quản lý. Theo Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 28/4/2014, về việc xét duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2000 thì diện tích đất này được quy hoạch là đất thủy lợi, hiện nay là khu vực này đang thi công lòng hồ công trình Hồ chứa nước E2. Mặt khác theo Báo cáo xác minh số 06/BC-UBND ngày 20/02/2019 của UBND xã E1 thì nguồn gốc đất ông T đang sử dụng là do ông Lê Tấn D và ông Nguyễn Văn Nh lấn chiếm đất lâm nghiệp của lâm trường E1 vào năm 1999, sau đó chuyển nhượng lại

cho ông T vào năm 2009. Do đó diện tích đất của ông T đang sử dụng nêu trên không đủ điều kiện bồi thường về giá trị đất khi bị thu hồi theo quy định tại Điều 75 Luật đất đai năm 2013. Án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Ông T kháng cáo nhưng không có tài liệu chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Quyết định của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông Lê Thanh T phải chịu án hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của ông Lê Thanh T; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 2 Điều 66; điểm a khoản 3 Điều 69; Điều 75; Điều 82 Luật đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà Nước thu hồi đất; Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh T về yêu cầu: Hủy một phần Quyết định số 3780/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND huyện E1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình đầu mối Dự án Hồ chứa nước E2, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk (đợt 1); Hủy Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện E1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Thanh T, Tổ dân phố 08, thị trấn E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk; Hủy Quyết định số 3026/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giải

quyết đơn khiếu nại của ông Lê Thanh T, cư trú tại Tổ dân phố 08, thị trấn E, huyện E1;

2. Quyết định về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị và được thi hành theo Bản án hành chính sơ thẩm số: 13/2020/HC- ST ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

3. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông Lê Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; đã nộp đủ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0010346 ngày 17/7/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; P.HCTP; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào